BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 5790/BCT - KH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được	*Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2012*

Kính gửi:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Hiệp hội:Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam, Doanh nghiệp Công nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam,Thép Việt Nam, Dệt may Việt Nam, Da - Giầy Việt Nam;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ.

Ngày 28 tháng 5 năm 2010, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2840/QĐ-BCT ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (sau đây gọi tắt là Danh mục), làm cơ sở để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện không khuyến khích nhập khẩu và hạn chế tiếp cận ngoại tệ; và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng trong hoạt động đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo tinh thần Chỉ thị 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Để hướng dẫn các đơn vị đăng ký điều chỉnh, bổ sung các sản phẩm trong nước sản xuất vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất ban hành theo Quyết định số 2840/QĐ-BCT, Bộ Công Thương ban hành các quy định hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục như sau:

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Danh mục bao gồm:

- Văn bản của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hiệp hội ngành nghề, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty đề nghị Bộ Công Thương điều chỉnh, bổ sung các sản phẩm sản xuất trong nước vào Danh mục.

- Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu đề nghị điều chỉnh, bổ sung do doanh nghiệp tự khai, tự chịu trách nhiệm *(Mẫu Danh mục kèm theo)*.

- Tài liệu thuyết minh kỹ thuật về sản phẩm.

- Giấy chứng nhận liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng của sản phẩm *(Phô tô công chứng)*.

- Thống kê các hợp đồng mua bán sản phẩm trong 2 năm liên tiếp *(về số lượng sản phẩm, giá trị, tên đơn vị mua sản phẩm và năm ký kết hợp đồng)*.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(Phô tô công chứng)*.

2. Tiêu chí đánh giá máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được

2.1. Tiêu chí "Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm"

Tiêu chuẩn, chất lượng theo Tiêu chuẩn, chất lượng Việt Nam hoặc tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (như của Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản...)

Yêu cầu: Sản phẩm được các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng.

2.2. Tiêu chí "Năng lực sản xuất sản phẩm"

a. Sản lượng thực tế

Sản lượng thực tế là khối lượng sản phẩm thực tế mà doanh nghiệp đã sản xuất được trong một thời kỳ nhất định.

Yêu cầu: Sản lượng thực tế của doanh nghiệp sản xuất ổn định trong 2 năm liên tục.

b. Khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước

Khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước là tỷ lệ khối lượng sản phẩm thực tế mà doanh nghiệp sản xuất có thể đáp ứng trên tổng nhu cầu trong nước.

Yêu cầu: Doanh nghiệp phải khai báo khả năng đáp ứng nhu cầu.

2.3. Tiêu chí "Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước của sản phẩm"

Yêu cầu: Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước của sản phẩm $\geq$ 40%

Phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước của sản phẩm

Xác định tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước theo công thức sau:

$$N = \frac{\sum_{i=1}^{n} X_i}{X} \times 100\% + \alpha\%$$

Trong đó: - N: Tỷ lệ phần trăm giá trị sản suất trong nước;

- Xi: Giá trị của chi tiết thứ i được sản xuất trong nước;

- n: Số các chi tiết chế tạo trong nước;

- X: Tổng giá trị sản phẩm.

- α % là giá trị sản xuất trong nước của khâu lắp ráp ở Việt Nam (có nhà xưởng và dây chuyền thiết bị sản xuất, lắp ráp) và ưu tiên các sản phẩm công nghệ cao, cơ khí trọng điểm.

Bảng hệ số α

Nhóm sản phẩm	**Hệ số α**
Nhóm 1: Các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm cơ khí trọng điểm	$\alpha = 20\%$
Nhóm 2: Các sản phẩm khác (không thuộc nhóm 1)	$\alpha = 10\%$

Trong đó,

+ Sản phẩm công nghệ cao là các sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

+ Sản phẩm cơ khí trọng điểm là các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm ban hành theo Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển sản phẩm cơ khí trọng điểm và Danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm, danh mục dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn 2009-2015.

2.4. Tiêu chí "Giá bán sản phẩm"

Giá bán sản phẩm là giá bình quân gia quyền, không bao gồm thuế GTGT và các khoản chi khuyến mại, thưởng mua hàng, hoa hồng đại lý. Giá bán sản phẩm được xác định căn cứ vào sổ sách kế toán của doanh nghiệp, hoá đơn bán hàng.

Yêu cầu: Giá bán sản phẩm thấp hơn giá nhập khẩu hoặc giá bán trên thị trường quốc tế của sản phẩm cùng chủng loại, cùng tính năng kỹ thuật và chất lượng sản phẩm. Trong một số trường hợp cụ thể xem xét đến sản phẩm có giá thành bằng giá thành nhập khẩu.

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

3.1. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp đề nghị bổ sung Danh mục.

- Lập và nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Danh mục gửi Bộ Công Thương theo quy định tại văn bản này;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Danh mục;

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình thẩm định sản phẩm trong nước đã sản xuất được.

3.2. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định

a. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch – Bộ Công Thương

- Bộ Công Thương giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công Thương thực hiện thẩm định việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được trên cơ sở Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của các tổ chức, doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh, bổ sung Danh mục.

- Hướng dẫn đơn vị đề nghị điều chỉnh, bổ sung Danh mục nếu hồ sơ chưa đủ theo yêu cầu;

- Tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan và kiểm tra thực tế nơi sản xuất sản phẩm trong quá trình thẩm định sản phẩm;

- Trình, ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục trên cơ sở sản phẩm đã được thẩm định.

- Lưu trữ hồ sơ và giữ bí mật hồ sơ, tài liệu liên quan.

- Cập nhật Danh mục các sản phẩm được phê duyệt lên Trang điện tử của Bộ Công Thương (http//: www.moit.gov.vn)

b. Trách nhiệm của đơn vị khác thuộc Bộ Công Thương

- Khi được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp với Vụ Kế hoạch trong quá trình thẩm định và kiểm tra thực tế nơi sản xuất sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ: CNNg, CNN, XNK, TTTN;
- Tổng cục Năng lượng;
- Cục Hóa chất;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Dương Quang

Mẫu Danh mục

Tên đơn vị :.....
Địa chỉ văn phòng :.....
Địa chỉ nhà máy :.....

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC

(Đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được ban hành theo Quyết định 2840/QĐ-BCT ngày 28 / 5/ 2010 của Bộ Công Thương)

STT	Tên sản phẩm (1)	Mã số theo biểu thuế nhập khẩu (2)				Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật (3)	Tiêu chuẩn chất lượng (4)	Năng lực sản xuất (5)		Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%) (6)	Giá bán sản phẩm (7)
		Nhóm	Phân nhóm					Sản lượng thực tế (sản phẩm/năm)	Khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước (%)		
1											
2											
3											
4											
5											
6											

Đơn vị cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin do đơn vị cung cấp

Ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(chữ ký và đóng dấu)

1. Ghi chú:

(1). Ghi theo tên sản phẩm đã đăng ký

(2). Nếu sản phẩm đã có mã số HS đề nghị ghi đầy đủ mã HS

(3). Ghi rõ quy cách và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm

(4). Tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm (ví dụ: G7, ASME, GSP, TCVN, ISO…) đã được cấp chứng nhận

(5). Năng lực sản xuất:

- Sản lượng thực tế: ghi khối lượng sản phẩm đã sản xuất ra trong một năm gần nhất.

- Khả năng đáp ứng thị trường trong nước: ghi tỷ lệ phần trăm khả năng đáp ứng thị trường trong nước.

(6). Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước: Doanh nghiệp tự xác định tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước theo Phương pháp tính căn cứ theo tiêu chí *"Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước của sản phẩm"*

(7). Giá bán sản phẩm: ghi tỷ lệ phầm trăm giá so với giá sản phẩm cùng loại nhập khẩu, hoặc giá sản phẩm trên thị trường thế giới.